

S 8

I. CHI U (3,0 i m) c o n trích sau và th c hi n các yêu c u:

*Thu nh tôi ra ra c ng Na câu cá
Nú váy bà i ch Bình Lâm
B t chim s vánh tai t ng Ph t
Và ôi khi n tr m nhĩn chùa Tr n*

*Thu nh tôi lên ch i n Cây Th
Chân t i êm xem l n Sông
Mùi h tr ng quy n khói tr m th m l m
i u hát v n l o o bóng cô ng*

*Tôi âu bi t bà tôi c c c th
Bà mò cua xúc tép ng Quan
Bà i gánh chè xanh Ba Tr i*

Quán Cháo, ng Giao th p th ng nh ng êm hàn.

(ò Lèn – Nguy n Duy, Ng v n 12, T p 1, NXB Giáo d c Vi t Nam, 2013, tr. 148)

Câu 1. Xác nh ph ng th c bi u t c s đ ng trong o n th . (0,5 i m)

Câu 2. Các t “l o o”, “th p th ng” có vai trò gì trong vi c th hi n nh ng hình nh cô ng và ng i bà.(0,5 i m)

Câu 3. S vô tâm c a ng i cháu và n i c c c c a ng i bà th hi n qua nh ng h i c nào? Ng i cháu ã bày t n i ni m gì qua nh ng h i c ó? (1,0 i m).

Câu 4. Thông i p nào c a o n trích trên có ý ngh a nh t i v i anh/ch ? (1,0 i m)

II. LÀM V N (7,0 i m)

Câu 1 (2,0 i m)

Hãy vi t 01 o n v n (kho ng 200 ch) chia s câu tr l i c a anh/ch cho câu h i v **h nh phúc:** “Là em n ni m vui cho ng i khác? Hay chính là s hài lòng c a riêng b n thân mình?”

Câu 2 (5,0 i m)

C m nh n c a anh/ch v hình t ng ng i lái ò trong tác ph m *Ng i lái ò sông à* (Nguy n Tuân) và nh ng nét c áo trong ngh thu t miêu t nhân v t c a tác gi .

----- H t -----

H ng d n gi i:

I. c hi u (3,0 i m)

Câu 1 (0,5 i m) Ph ng th c bi u t: T s k th p v i bi u c m.

Câu 2 (0,5 i m) T “l o o” g i t ch n th c v sinh ng h nh nh c ng trong tr ng th i nh p ng n a t nh, n a say; t “th p th ng” g i t h nh nh ng i bà gi a nua, t n t o b c th p, b c cao trong tr nh c a tác gi .

Câu 3 (1,0 i m)

- S vô tâm c a ng i cháu c th hi n r qua câu th “Tôi ầu bi t bà tôi c c c th ”.
- N i v t v c a ng i bà c th hi n qua bi n pháp li t kê các công vi c c a bà “mò cua, xúc tép, i g nh chè xanh”; các a danh “Ba Tr i, Quán Cháo, ng Dao” và qua h nh nh ng i bà “th p th ng” trong nh ng êm ông l nh.

==> Ng i cháu trong o n th ấ th hi n tình yêu th ng sâu s c và l n ni m ân h n v s vô tình vô tâm i v i bà qua nh ng h nh nh t ng ph n i l p gi a m t bên là ng i chá u tình ngh ch, hi u ng v i m t bên là ng i bà gi a nua, c c c, t n t o, ch t chiu, th ng cháu h t lòng.

Câu 4 (1,0 i m) Có th trình bày m t trong các thông i p sau:

- S ng trong i s ng, dù trong hoàn c nh nào c ng không nên s ng vô tình, vô tâm.
- Hãy s ng và quan tâm n nh ng ng i xung quanh mình, nh t là nh ng ng i thân.
- S ng hãy bi t n n n và c nh t nh sau nh ng l i l m.
- L i l m vì vô tình vô tâm là khó tránh kh i trong i. i u quan tr ng là hãy bi t c nh t nh.

II. LÀM V N (7,0 i m)

Câu 1 (2,0 i m)

G i ý trình bày

a. M o n: (0,25 i m) Nêu c v n c n ng lu n: chia s suy ngh c a b n thân v h nh phúc: Là em n ni m vui cho ng i khác? Hay chính là s hài lòng c a riêng b n thân mình?

b. Thân o n: (1,5 i m) H c sinh chia s câu tr l i c a mình, th c ch t là bày t ý ki n v hai quan ni m h nh phúc.

* Gi i thích (0,5 i m): H nh phúc là ni m vui, s hài lòng khi con ng i t c nh ng i u t t p.

* Bình lu n (0,5 i m): Kh ng nh quan ni m trong hai câu h i u úng:

- H nh phúc là em n ni m vui cho ng i khác, b i ta vui khi mình s ng p, s ng có ích, bi t v tha, làm c i u t t p cho ng i khác, giúp ng i khác h nh phúc.
- H nh phúc là s hài lòng c a riêng b n thân mình, khi ta t c nh ng nhu c u, khát v ng chính áng c a b n thân, t o ra c nh ng thành qu t t p, nâng cao giá tr s s ng.

* Bàn lu n, nêu bài h c nh n th c (0,5 i m):

- Quan ni m c a h c sinh v h nh phúc: c n k th p c hai - em n ni m vui cho ng i khác và b n thân c hài lòng – thì h nh phúc m i tr n v n, ý ngh a.
- Phê phán: suy ngh , cách s ng v k , ch bi t t i h nh phúc riêng...

c. K t o n: (0,25 i m) Kh ng nh l i ý ngh a c a vi c l a ch n quan ni m h nh phúc t o ra h nh phúc và có cu c s ng h nh phúc.

Câu 2 (5,0 i m)

* **m b o c u trúc bài v n ngh lu n.** (0,25)

* **Xác nh úng v n ngh lu n:** Phân tích hình t ng ng i lái ò (0,5 i m)

* **Tri n khai v n ngh lu n** thành nh ng lu n i m phù h p, có s liên k t ch t ch , s d ng t t các thác tác l p lu n trình bày các lu n i m, k t h p ch t ch gi a lí l và d n ch ng (3,25).

a. Gi i thi u khái quát v tác gi , hoàn c nh sáng tác c a tác ph m (0,5 i m)

- Nguy n Tuân sinh ra trong m t gia ình nhà nho khi Hán h c ã tàn. Ông là m t ngh s tài hoa, uyên bác, có cá tính c áo. Là nhà v n l n c a n n v n h c Vi t Nam hi n i, Nguy n Tuân sáng tác nhi u th lo i song c bi t thành công th tùy bút. Tác ph m tiêu bi u nh t c a Nguy n Tuân v th lo i này là tùy bút “Ng i lái ò Sông à”.
- “Ng i lái ò Sông à” c Nguy n Tuân sáng tác sau nh ng chuy n i th c t gian kh và hào h ng t i mi n Tây B c xa xôi, r ng l n. Bài tùy bút c in trong t p “Sông à” xu t b n n m 1960. N i dung bài tùy bút là miêu t con Sông à và hình nh ng i lái ò v t thác.

b. Phân tích hình t ng ng i lái ò sông à (2,5 i m)

- *Gi i thi u khái quát v ng i lái ò:*

- Công vi c
- Ngo i hình

- *Các ph m ch t n i b t c a nhân v t c th hi n qua cu c giáp chi n c ng th ng v i con sông à hung b o*

+ Di n bi n tr n chi n: các trùng vây hi m tr , cách ng i lái ò v t thác d và chi n th ng, phong thái ung dung sau khi v t thác sông à.

- Vòng vây th nh t: Thác Sông à m ra “n m c a tr n”, có b n “c a t ”, m t “c a sinh”. C a sinh n m “l p l phía t ng n”. Khi con thuy n xu t hi n, ph i h p v i á, n c thác reo hò làm “thanh vi n” cho á, nh ng hòn á b v oai phong l m lí t. Có hòn á trông nghiêng thì y nh là ang h i cái thuy n “ph i x ng tên tu i tr c khi giao chi n”. Hòn á khác thì l i m t chút và “thách th c” cái thuy n có gi i thì t i ng n vào. Không m t chút nao núng, ông ò hai tay gi mái chèo kh i b h t lên khi sóng tr n a phóng th ng vào mình. Nhìn th y con thuy n và ng i lái ò, m t n c “hò la vang d y”, ùa vào mà “b gậy cán chèo”, võ khí c a ng i lái ò. Sóng n c thì nh th quân li u m ng, vào sát nách mà “ á trái mà thúc g i” vào b ng và hông thuy n, có lúc chúng “ i c thuy n lên”. N c bám l y thuy n nh ô v t “túm l y th t l ng ông ò òi l t ng a mình ra”... Ông ò ã b th ng, nh ng ông “c nén v t th ng”, hai chân v n “k p ch t l y cu ng lái”. Cu c chi n ã n h i quy t lí t, sóng n c “ ánh h i lũng, ánh òn t a, ánh òn âm” vào ch hi m. Nh ng trên cái thuy n sáu b i chèo, v n nghe rõ ti ng ch huy “ng n g n t nh táo” c a ng i c m lái. Và ông lái ò ã phá xong cái “trùng vi th ch tr n” vòng th nh t c a thác Sông à.

- Vòng vây thứ hai: thác Sông Đà lại “tặng thêm nhi vụ” đánh lừa con thuyền. Với cách bố cục sinh động. Nếu vòng vây thứ nhất, tác giả sinh động “lập pháp tả động”, thì vòng vây thứ hai này, tác giả sinh động lại “bố trí lịch qua phía bên dưới”. Đó chính là khó khăn, thách thức về nội dung và nghệ thuật. Nhưng ông lái đò đã “thu phục luật pháp kích” của lái đò này. Ông hiểu rằng cứ lên thác Sông Đà phải “cẩn thận như nhả trứng”. Cuộc chiến của ông lái đò vòng vây thứ hai đã bắt đầu. Nhưng chốt cái bơm sóng xuống lòng, ông đã ghì chặt lái bám chặt lấy luồng nước xuống mà “phóng nhanh vào thác sinh” rồi “lái mũi thẳng ngược chéo” về phía cá thác. Thấy con thuyền tiến vào, bên bờ bên tay quân bên bờ trái liền “xô ra” như núm con thuyền “lôi vào tập đoàn của” mà tiêu diệt. Nhưng ông lái đò vẫn “nhắm mắt” bên này, mà thì ông tránh mà “rời bỏ” chèo lên”, mà thì ông “lên lên mà chốt ôi ra” mà ngắm nhìn. Nhưng luồng nước đã bắt đầu hạ xuống, chỉ còn vang tiếng reo hò của cá thác xuống sông sinh. Tuy vậy, bên chúng vẫn “không ngừng khiêu khích”, dù cái thuyền đã ngừng cá vào đã “tiếng kêu cái mắt xanh lè” vì bị thua cái thuyền du kích nhỏ bé.
- Vòng vây thứ ba: thác Sông Đà ít cá hơn như bên phải bên trái đều là “luồng chết” của. Cái “luồng sống” chỉ có một bên này lại ngay giữa bên thác. Ông lái đò đã hiểu điều đó. Ông đã “phóng thẳng thuyền” chỉ có thể ngắm cá thôi. Thuyền của ông đã “vút qua” của cá cánh mà cánh khép về phía bên cá: cá ngoài, cá trong, lại cá trong cùng. Con thuyền của ông đã “nhắm mắt” tên tre xuyên nhanh qua bên cá, về phía xuyên về phía thác lái lái cá”. Về phía vòng vây thứ ba của ông là về phía thác Sông Đà. Ông lái đò nhắm mắt chỉ huy lão luyện, dũng cảm và kinh nghiệm. Ông là một nghệ sĩ tài hoa và nghệ thuật thác leo ghềnh.

+ Nhưng phẩm chất của người lái đò: bình tĩnh, can đảm, thông minh, táo bạo, giàu kinh nghiệm, tài hoa khéo léo...

- *Nghệ thuật xây dựng hình tượng*

- Khái quát hình tượng người lái đò Sông Đà, nhà văn Nguyễn Tuân đã sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật sắc sảo - Ý nghĩa quan trọng của việc khái quát về hình tượng nhân vật trong văn học hiện đại, quan niệm về cái đẹp tác giả: qua hình tượng này, Nguyễn Tuân thể hiện quan niệm nghệ thuật anh hùng ca chủ yếu có trong chiến đấu mà có thể xuất hiện hàng ngày trong cuộc sống lao động bình thường.
- Ông lái đò là một hình tượng đẹp về người lao động mới bình đẳng và cần cù, dũng cảm và khéo léo tài hoa - một chất vàng mười của Tây Bắc, cá nhân trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- *Phân tích nghệ thuật miêu tả nhân vật ông lái đò của Nguyễn Tuân:*

- Tô đậm nét tài hoa, nghệ thuật ông lái đò: nét tài hoa, nghệ thuật của con người không chỉ thể hiện trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật mà còn trong nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau.
- Ý thức tôn lên tình huống thử thách nhân vật bộc lộ rõ phẩm chất của mình: càng hiểm mẫn thách thức ghê gớm của “thử thách” sông Đà, tác giả càng khái quát sinh động sự dũng cảm, mưu mẫn, quyết đoán và gan dạ của ông lái đò.

- S d ng t ng phong phú, s ng ng, giàu hình nh và có s c g i c m cao; nh ng ví von, so sánh, liên t ng, t ng t ng c áo, b t ng và r t thú v
- Miêu t ông lái ò v t thác, tác gi ã s d ng tri th c c a nhi u l nh v c nh th thao, quân s , võ thu t..., v i nh ng câu v n a đ ng, nhi u t ng, giàu nh p i u, h i h , gân gu c; v i t ng s ng ng, giàu hình nh, m i l , c áo.

c. ánh giá (0,25 i m)

Thông qua tác ph m, tác gi ã kh ng nh, ng i ca v p c a thiên nhiên và ng i lao ng mi n Tây B c c a T qu c. Nh ng con ng i lao ng bình d , c n cù nh ng không ch u khu t ph c tr c nh ng th thách c a thiên nhiên. ng th i tác ph m c ng th hi n tì nh yêu m n, s g n bó thi t tha c a Nguy n Tuân i v i t n c và con ng i Vi t Nam.